

Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2020.

Số: 91/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TX

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 55/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông PQH, sinh năm 1970; Chứng minh nhân dân số 002070000003 do Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 11.10.2013; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 369 Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện tại: Số 5, ngõ 103, tổ 3, PK, phường TV, quận NTL, thành phố Hà Nội

2. Bà TTTH, sinh năm 1970; giấy chứng minh nhân dân số 011637474 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20.02.2006; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện tại: Tổ 11A, phường TĐ, quận ĐĐ, nay là số nhà 20 ngách 129/39, tổ 2, phường TĐ, quận TX, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

(1). Ngày 20.9.2019, ông PQH và bà TTTH có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận TX giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nội dung yêu cầu cụ thể như sau:

+ Về hôn nhân:

Ông PQH và bà TTTH kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10.11.1998 tại Ủy ban nhân dân phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, hai bên xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

+ **Về con chung:** Ông PQH và bà TTTH có 02 con chung: PQH, sinh ngày 14.10.1998 và PGB, sinh ngày 22.11.2006. Cháu PQH đã trưởng thành, không thuộc trường hợp bắt buộc cấp dưỡng.

Giao con chung PGB, sinh ngày 22.11.2006 cho bà TTTH trực tiếp nuôi dưỡng, ông PQH cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 2.2020 cho đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Ông PQH được quyền đi lại, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

+ **Về tài sản chung, vay nợ chung và riêng:** Ông PQH và bà TTTH tự thỏa thuận không yêu cầu tòa giải quyết.

+ **Về lệ phí:** Ông PQH và bà TTTH tự chịu lệ phí ly hôn theo quy định.

(2). Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 05 tháng 02 năm 2020, các bên đương sự đã thống nhất được toàn bộ nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông PQH và bà TTTH thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông PQH và bà TTTH có 02 con chung: PQH, sinh ngày 14.10.1998 và PGB, sinh ngày 22.11.2006.

Cháu PQH đã trưởng thành, không thuộc trường hợp bắt buộc cấp dưỡng.

Giao con chung PGB, sinh ngày 22.11.2006 cho bà TTTH trực tiếp nuôi dưỡng, ông PQH cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 2.2020 cho đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Ông PQH được quyền đi lại, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Ông PQH và bà TTTH tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Ông PQH và bà TTTH không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông PQH và bà TTTH mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông PQH và bà TTTH đã nộp tại biên lai số 0006798 và 0006797 ngày 03.02.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận TX;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

PHƯƠNG THẢO

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).